

BIỂU SỐ 3
HOẠT ĐỘNG XUẤT NHẬP KHẨU 9T/2024

(Kèm theo Báo cáo số /BC-SCT ngày /9/2024 của Sở Công Thương)

Chỉ tiêu	ĐVT	KH2024	TH 8T	ƯỚC T9	ƯỚC 9T	So KH (%)	so cùng kỳ (%)
1. KN Xuất khẩu	1000 USD	750.000	650.000,00	50.000,00	700.000,00	93,33	126,13
<i>Mặt hàng xuất khẩu</i>			-		-		
1. Cà phê	Tấn		185.000,00	8.000,00	193.000,00		95,07
Giá trị	1000 USD		520.000,00	32.000,00	552.000,00		128,37
2. Mủ cao su	Tấn		744,00	20,00	764,00		103,24
Giá trị	1000 USD		1.008,00	30,00	1.038,00		122,12
3. Gỗ tinh chế	1000 USD		1.600,00	52,00	1.652,00		236,00
5 Hàng khác	1000 USD		127.392,00	17.918,00	145.310,00		117,71
2. KN Nhập khẩu	1000 USD	115.000,00	110.000,00	3.000,00	113.000,00	98,26	113,00
<i>Mặt hàng nhập khẩu</i>			-	-	-		
1.Gỗ, nguyên phụ liệu gỗ	1000 USD		-	-	-		
2. Máy móc thiết bị	1000 USD		-	-	-		
3. Sắn lát	Tấn		53.650,00		53.650,00		3.576,67
Giá trị	1000 USD		7.620,00		7.620,00		2.116,67
4.Hạt điều	Tấn		39.000,00	500,00	39.500,00		196,03
Giá trị	1000 USD		45.000,00	540,00	45.540,00		195,60
5. cao su tự nhiên	Tấn		1.900,00		1.900,00		28,96
giá trị	1000 USD		2.300,00		2.300,00		33,58
6. Hàng khác	1000 USD		59.680,00	2.460,00	62.140,00		89,86